

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

=====

NGUYỄN QUỐC HÙNG

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP  
TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

*Chuyên ngành:* Luật Hiến pháp và Luật Hành chính  
*Mã số :* 62 38 01 02

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - NĂM 2016

**Công trình được hoàn thành tại:  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Võ Khánh Vinh**

**Phản biện 1: GS.TS Thái Vĩnh Thắng**

**Phản biện 2: GS.TS Phạm Hồng Thái**

**Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện tại Học viện Khoa học xã hội

*Vào hồi....giờ....ngày....tháng...năm 2016*

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- *Thư viện Quốc gia Việt Nam*
- *Thư viện Học viện Khoa học xã hội*

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

- 1. *Hệ thống chính trị Việt Nam: 70 năm xây dựng và đổi mới***, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 9 (329), tháng 9/2015.
- 2. *Trách nhiệm giải trình của Tư pháp***, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Số 05 (36), tháng 5/ 2016.
- 3. *Các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát quyền lực tư pháp***, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Số 08 (39), tháng 8/ 2016.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở Việt Nam, cơ chế kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được đặt ra trực tiếp và cụ thể trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013 tại Khoản 3, Điều 2: “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”. Trong các bước tiến của hoạt động lập pháp, chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều cơ chế để kiểm soát QLNN nói chung, kiểm soát QLTP nói riêng.

Như vậy, trên phương diện chính trị - pháp lý, chúng ta thừa nhận không có một phạm vi QLNN nào lại không chịu sự kiểm soát. Ngay đối với QLTP vốn là phạm vi quyền lực có tính độc lập cao để bảo đảm tự do của người dân, hiệu quả và hiệu lực trong hoạt động xét xử nói riêng và thực hiện QLNN nói chung nhưng nó luôn phải đặt trong nhu cầu tiết chế, kiểm soát chặt chẽ.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn đang tồn tại khá nhiều vướng mắc, bất cập trong nhận thức lý luận và thực tiễn về kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam. Trong nhận thức lý luận, nhiều vấn đề liên quan đến việc giải mã mâu thuẫn giữa độc lập tư pháp và kiểm soát tư pháp chưa được làm sáng tỏ, nhiều câu hỏi về nội dung, hình thức, cơ chế... kiểm soát QLTP trong NNPQ nói chung, NNPQ XHCN Việt Nam nói riêng vẫn chưa có câu trả lời thích đáng. Trong thực tiễn, mô hình điều chỉnh pháp luật về kiểm soát QLTP còn nhiều điểm bất hợp lý và nhiều khoảng trống. Thực trạng vận hành của các cơ chế cấu thành mô hình kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam còn nhiều vướng mắc, thiếu hiệu quả.

Tình hình nói trên cho thấy việc triển khai nghiên cứu các khía cạnh lý luận và thực tiễn liên quan đến kiểm soát QLNN nói chung, kiểm soát QLTP nói riêng trong NNPQ XHCN Việt Nam đang đặt ra một cách cấp bách. Mặc dầu vậy, số lượng và quy mô các công trình nghiên cứu hiện chưa phức đáp được yêu cầu. Trong bối cảnh đó, chủ

đề luận án tiến sĩ “*Kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” là một nỗ lực mới để khắc phục khoảng trống trong hoạt động nghiên cứu, góp phần giải mã một cách toàn diện và có hệ thống các nội dung liên quan đến kiểm soát QLTP trong NNQP XHCN Việt Nam.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án**

Mục đích tổng quát của luận án là nhằm xây dựng các luận cứ khoa học cho việc đề xuất một hệ thống giải pháp nhằm bảo đảm kiểm soát QLTP trong NNQP XHCN Việt Nam một cách hợp lý và hiệu quả.

Nhiệm vụ của luận án gồm: (1) Hệ thống hóa nhận thức lý luận về tổ chức QLNN và kiểm soát QLNN trong NNQP. Trên cơ sở đó làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát QLTP trong NNQP và chỉ ra tính đặc thù của kiểm soát QLTP trong NNQP XHCN Việt Nam; (2) Tìm hiểu, đưa ra những ý kiến đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn kiểm soát QLTP, trạng thái hiện thực của các yếu tố tác động tới kiểm soát QLTP trong NNQP XHCN Việt Nam. Xác định rõ những ưu điểm, hạn chế trong sự vận hành của các cơ chế kiểm soát QLTP ở Việt Nam cũng như những nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế đó; (3) Phát hiện yêu cầu nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong quá trình tiếp tục xây dựng NNQP XHCN Việt Nam và tập trung xác định các quan điểm nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; (4) Đề xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNQP XHCN Việt Nam.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

**Đối tượng nghiên cứu của luận án** bao gồm: (1) Các quan điểm khoa học liên quan đến kiểm soát QLTP trong NNQP; (2) Các quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam về kiểm soát QLNN nói chung, kiểm soát QLTP nói riêng; (3) Thực tiễn vận hành của mô hình kiểm soát QLTP ở Việt Nam hiện nay; (4) Mô hình kiểm soát QLTP ở một số nước trên thế giới.

**Phạm vi nghiên cứu của luận án:** Chủ đề của luận án có nội dung trải rộng trên nhiều lĩnh vực. Luận án tập trung làm sáng tỏ các khía cạnh lý luận, pháp lý về kiểm soát QLTP và thực tiễn vận hành

của các cơ chế kiểm soát QLTP trong quá trình xây dựng, hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP ở Việt Nam hiện nay. Về không gian, luận án tập trung nghiên cứu ở Việt Nam, kết hợp nghiên cứu so sánh với kinh nghiệm nước ngoài (đồng đại). Thời gian nghiên cứu từ khi đổi mới đất nước (1986) đến nay (2016), đặc biệt từ sau Hiến pháp năm 2013 được thông qua, có sự nghiên cứu so sánh lịch sử (lịch đại) để làm rõ các vấn đề của luận án.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở lý luận của luận án là các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về quyền lực nhân dân, quyền con người và quyền công dân, xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam, tổ chức thực hiện QLNN và kiểm soát QLNN, độc lập của tư pháp và cải cách tư pháp... Ngoài ra, luận án cũng dựa trên phương pháp luận giải của một số học thuyết hiện đại đang được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới: Học thuyết khế ước xã hội, Học thuyết phân quyền, Lý thuyết về quyền con người...

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm: Phương pháp đa ngành, liên ngành khoa học xã hội và liên ngành luật học; Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp cấu trúc hệ thống; Phương pháp luật học so sánh; Phương pháp thống kê; Phương pháp xã hội học pháp luật; Phương pháp lịch sử.

#### **5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

*Thứ nhất*, luận án hệ thống hóa các quan điểm khoa học về NNPQ, về tất yếu của KSQL trong NNPQ, về QLTP và nhu cầu kiểm soát QLTP trong NNPQ. Trên cơ sở đó, luận án xác định khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các cơ chế kiểm soát QLTP trong NNPQ, chỉ rõ tính đặc thù của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam, nêu và lập luận về các yếu tố tác động đến kiểm soát QLTP trong NNPQ và NNPQ XHCN Việt Nam.

*Thứ hai*, luận án mô tả quá trình phát triển tư duy, nhận thức về kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn vận hành của các cơ chế kiểm soát QLTP trong

quá trình xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam. Từ đó, xác định nhu cầu cần thiết nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

*Thứ ba*, luận án xác định các quan điểm định hướng và đề xuất hệ thống các giải pháp có tính toàn diện và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

- *Về nhận thức lý luận*: đề tài hình thành tư duy đầy đủ về QLTP, thực hiện QLTP, kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

- *Về hoàn thiện thể chế, chính sách*: đề tài xác lập cơ sở khoa học cho việc triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, hoàn thiện cơ sở pháp lý của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam, thiết kế mô hình hợp lý của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

- *Về thực tiễn*: đề tài cung cấp những khuyến nghị cụ thể để nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà lập pháp, các nhà quản lý và các nhà hoạt động xã hội. Luận án cũng có thể được tham khảo trong hoạt động nghiên cứu và đào tạo lĩnh vực khoa học chính trị và khoa học pháp lý.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận án gồm 4 chương.

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

#### 1.1.1. Khái lược tình hình nghiên cứu

Ở trong nước, cùng với nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam, hoạt động nghiên cứu hướng tới mục tiêu tìm kiếm mô hình tổ chức và kiểm soát QLNN một cách hợp lý, có hiệu quả trong việc đảm bảo chủ quyền nhân dân đã diễn ra đặc biệt sôi động trong những năm gần đây. Số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến chủ đề này khó có thể liệt kê hết thông qua những con số thống kê đơn thuần. Sản phẩm của hoạt động nghiên cứu được công bố dưới nhiều hình thức ấn phẩm khác nhau. Về cơ bản, có thể gom các công trình nghiên cứu lên quan đến đề tài luận án thành ba nhóm: (1) Nhóm công trình nghiên cứu về tổ chức quyền lực nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền; (2) Nhóm công trình nghiên cứu về quyền lực tư pháp và thực hiện quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (3) Nhóm công trình nghiên cứu trực diện về kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ở nước ngoài, vấn đề phân chia quyền lực gắn liền với kiểm soát và đối trọng quyền lực là học thuyết ra đời gắn với cách mạng tư sản và trở thành nguyên tắc căn bản trong tổ chức quyền lực theo mô hình NNPQ của đa số các quốc gia hiện đại. Vì vậy, hoàn toàn dễ hiểu khi các công trình nghiên cứu về NNPQ, về các bộ phận QLNN và nhu cầu kiểm soát để buộc chúng vận hành trong quỹ đạo quyền lực nhân dân đã chiếm một tỉ lệ áp đảo trong tổng số các ấn phẩm chính trị - pháp lý tại các nước trên thế giới. Hoạt động nghiên cứu liên quan đến chủ đề luận án cũng có thể được gom thành ba nhóm tương ứng với các nhóm công trình nghiên cứu trong nước. Tuy nhiên, vì được tổ chức theo



nguyên tắc phân quyền, nên cải cách tổ chức và hoạt động của Tòa án ở đa số các quốc gia trên thế giới đều xoay quanh một nguyên tắc trọng yếu - đảm bảo sự độc lập xét xử của Tòa án. Do đó, đây cũng là chủ đề trung tâm của các học giả nước ngoài khi nghiên cứu về QLTP trong tương quan với các công trình nghiên cứu về kiểm soát QLTP.

### ***1.1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu***

Kết quả của các công trình nghiên cứu đã cung cấp một lượng kiến thức quan trọng về các giá trị của NNPQ; tổ chức và kiểm soát QLNN trong NNPQ; đặc trưng và yêu cầu tổ chức, kiểm soát QLNN trong NNPQ XHCN Việt Nam; bản chất, vị trí, vai trò của QLTP trong NNPQ; yêu cầu độc lập tư pháp và tính tất yếu của kiểm soát QLTP trong NNPQ; thực trạng nội dung và cơ chế kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam; những vấn đề pháp lý đặt ra từ thực tiễn kiểm soát QLTP ở Việt Nam hiện nay; những giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP tương thích với yêu cầu đảm bảo độc lập của tư pháp trong quá trình đẩy mạnh xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam... Đây là nguồn tư liệu vật chất cần thiết, rất quan trọng để tiếp tục triển khai nghiên cứu sâu về những nội dung trọng yếu của đề tài luận án.

Tuy nhiên, các quan điểm nghiên cứu về kiểm soát QLTP trong NNPQ đang có nhiều khoảng trống, nhiều sự khác biệt, thậm chí trái chiều nhau, cộng với các thông tin đa chiều, thiếu thống nhất và tính phức tạp của vấn đề lại là những trở lực không nhỏ, đồng thời đặt ra trách nhiệm nặng nề cho công việc nghiên cứu đề tài.

Nhìn một cách tổng thể, có thể thấy, mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận án lên tới con số khó có thể thống kê hết nhưng hiện tại chưa có một công trình nghiên cứu nào tổ chức nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ, toàn diện về kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam để từ đó đề xuất những phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam, quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước và trong yêu cầu triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013. Nói cách khác, hiện chưa có công

trình nghiên cứu nào ở trong và ngoài nước triển khai nghiên cứu chủ đề kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam với tư cách là đối tượng nghiên cứu chính. Trên thực tế, việc nghiên cứu về lý luận, đánh giá về thực trạng kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam chưa được nhận diện một cách thấu đáo dẫn đến tình trạng thiếu các giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những khoảng trống pháp lý và hiện thực hóa tư tưởng kiểm soát QLNN, kiểm soát QLTP nói riêng trong quá trình đẩy mạnh xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

## **1.2. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu**

*Thứ nhất*, nghiên cứu những thay đổi mới trong nhận thức lý luận về bản chất của việc tổ chức QLNN trong NNPQ và đặc thù của tổ chức QLNN trong điều kiện nhất nguyên chính trị, một Đảng cộng sản cầm quyền, xây dựng NNPQ XHCN và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Thứ hai*, nghiên cứu làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm của QLTP và các khái niệm liên quan (hệ thống tư pháp, cơ quan tư pháp, hoạt động tư pháp). Kết quả nghiên cứu phải đưa ra được các khái niệm dưới dạng các định nghĩa và có căn cứ lập luận khoa học thuyết phục.

*Thứ ba*, nghiên cứu luận chứng về nhu cầu đảm bảo quyền lực nhân dân, quyền con người và mối quan hệ giữa các bộ phận QLNN để khẳng định tính tất yếu khách quan của kiểm soát QLTP trong NNPQ.

*Thứ tư*, nghiên cứu xác định các nội dung kiểm soát QLTP trong NNPQ. Kết quả nghiên cứu phải đạt được sự luận chứng thuyết phục về cấu trúc nội dung cần triển khai đối với quá trình kiểm soát QLTP.

*Thứ năm*, nghiên cứu xác định các cơ chế kiểm soát QLTP trong NNPQ. Các cơ chế cần được xem xét ở mức độ toàn diện và cụ thể.

*Thứ sáu*, nghiên cứu chỉ rõ tính đặc thù của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cần chỉ rõ được mức độ tương thích giữa đặc trưng của NNPQ XHCN Việt Nam và yêu cầu kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam

*Thứ bảy*, nghiên cứu xác định và phân tích khả năng tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam. Các yếu tố đó cần phải được xem xét gắn với thực tiễn và yêu cầu cụ thể của quá trình xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam.

*Thứ tám*, nghiên cứu đánh giá toàn diện, tổng thể nhận thức chính trị và thực trạng điều chỉnh pháp luật về kiểm soát QLTP trong quá trình xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam. Kết quả nghiên cứu phải làm sáng tỏ: (i) Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về QLTP và kiểm soát QLTP; (ii) Thực trạng cơ sở pháp lý về kiểm soát QLTP trong bối cảnh đẩy mạnh xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

*Thứ chín*, nghiên cứu thực tiễn kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay. Nội dung nghiên cứu được triển khai đối với các cơ chế thuộc mô hình kiểm soát QLTP. Kết quả nghiên cứu phải đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của mô hình kiểm soát QLTP hiện hành. Kết quả nghiên cứu cũng cần chỉ ra thực trạng các điều kiện đảm bảo hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

*Thứ mười*, nghiên cứu xác định các quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam. Kết quả nghiên cứu phải đảm bảo lập luận thuyết phục hơn về các giải pháp có liên quan đã được các công trình nghiên cứu khác đề cập và luận chứng, đồng thời kiến nghị hệ giải pháp tổng thể mang tính chiến lược cho việc nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong quá trình hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam.

## **Chương 2**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **2.1. Khái niệm, đặc điểm, tính tất yếu của kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền**

#### ***2.1.1. Khái niệm kiểm soát quyền lực tư pháp***

Quyền lực tư pháp là một nhánh độc lập, hợp thành của quyền lực nhà nước thống nhất, có nhiệm vụ duy trì, bảo vệ công lý và trật tự pháp luật, được tòa án thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động xét xử.

Kiểm soát QLTP là loại hoạt động quyền lực do các chủ thể quyền lực thực hiện thông qua những phương thức, trình tự pháp định mà dựa vào đó, nhà nước và xã hội theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện các nhiệm vụ, chức năng và thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp nhằm ngăn chặn, loại bỏ những hoạt động trái các quy định, vượt khỏi giới hạn của Hiến pháp và pháp luật của tòa án và các chức danh tư pháp, đảm bảo cho quyền lực tư pháp thực thi đúng mục đích, duy trì được tổ chất của một nền tư pháp liên chính.

#### ***2.1.2. Đặc điểm của kiểm soát quyền lực tư pháp***

*Thứ nhất*, kiểm soát QLTP nằm trong giới hạn của nguyên tắc độc lập tư pháp.

*Thứ hai*, chủ thể kiểm soát QLTP bị hạn chế nhất định về phạm vi kiểm soát.

*Thứ ba*, đối tượng của kiểm soát QLTP là hoạt động thực thi quyền lực của tòa án và các chức danh tư pháp.

*Thứ tư*, công cụ kiểm soát QLTP là hệ thống các quy định luật.

*Thứ năm*, kiểm soát QLTP vừa mang tính quyền lực nhà nước vừa mang tính xã hội.

*Thứ sáu*, kiểm soát QLTP nhằm đạt được kết quả cuối cùng là duy trì và bảo vệ lẽ phải và công lý.

### ***2.1.3. Tính tất yếu của kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền***

Nhà nước pháp quyền là phương thức để thực hiện dân chủ, là mô thức tổ chức giúp cho việc thực hiện những mục tiêu mang tính bản chất của mỗi chế độ chính trị dân chủ. Bản chất thực sự của việc tổ chức QLNN trong NNPQ chính là việc ủy quyền lực của Nhân dân cho nhà nước. Chính nguyên lý chủ quyền nhân dân và đặc trưng của tổ chức QLNN trong NNPQ đã dẫn tới yêu cầu về sự cần thiết phải thừa nhận cơ chế phân quyền trong tổ chức QLNN như là một cơ chế phổ quát trên cơ sở khẳng định tính thống nhất của QLNN.

Trong cơ chế phân quyền, tư pháp là một nhánh quyền lực đòi hỏi tính độc lập cao song điều đó không hàm chứa khả năng trở thành lĩnh vực quyền lực không bị kiểm soát.

Tính tất yếu của kiểm soát QLTP trong NNPQ xuất phát từ các lý do liên quan đến nhu cầu đảm bảo quyền lực nhân dân, quyền con người và quyền công dân, khắc phục sự lạm quyền, lạm quyền và duy trì hoạt động bình thường của các nhánh quyền lực, khắc phục các lỗi hành vi của các cá nhân nắm giữ QLTP, tránh những hệ lụy do sự tùy tiện, vô pháp, vô cảm hay tình trạng kém năng lực trong hoạt động tư pháp gây ra, đảm bảo vai trò lãnh đạo của các lực lượng chính trị, đặc biệt là của Đảng cầm quyền trong các thể chế chính trị nhất nguyên.

## **2.2. Nội dung và cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền**

### ***2.2.1. Nội dung kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền***

Xuất phát từ quan niệm về QLTP và nhận thức về các đặc trưng của NNPQ, nội dung kiểm soát QLTP trong NNPQ bao gồm ba phương diện: (1) Kiểm soát phán quyết của tòa án; (2) Kiểm soát hành vi của thẩm phán và các chức danh tư pháp; (3) Kiểm soát tổng thể về tổ chức và hoạt động của tư pháp

### ***2.2.2. Cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền***

Các cơ chế kiểm soát QLTP xuất phát từ quan niệm về trách nhiệm giải trình của tư pháp. Về cơ bản, có thể thấy, tư pháp có trách nhiệm giải trình dưới ba hình thức: (1) *Trách nhiệm giải trình pháp lý* (legal accountability) được thực hiện theo cơ chế chính thức và/hoặc không chính thức; (2) *Trách nhiệm giải trình chính trị* (political accountability) bao gồm: trách nhiệm giải trình với các nhánh quyền lực khác và trách nhiệm giải trình hiến định; (3) *Trách nhiệm giải trình xã hội* (social accountability)

Đặc trưng của NNPQ đặt ra yêu cầu và tạo ra khả năng thiết kế nhiều cơ chế kiểm soát QLTP cả từ bên trong và bên ngoài hệ thống nhà nước.

*Cơ chế kiểm soát bên trong hệ thống thực thi QLNN*, gồm: (1) kiểm soát trong nội bộ hệ thống tư pháp (tự kiểm soát quyền lực tư pháp); (2) kiểm soát của lập pháp và hành pháp đối với tư pháp; (3) kiểm soát của các thiết chế nhà nước khác (nguyên thủ quốc gia, các thiết chế hiến định độc lập, chính quyền địa phương...).

*Cơ chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống thực thi QLNN*, gồm: (1) kiểm soát của các thiết chế thuộc xã hội dân sự (các nhóm, đoàn thể, tổ chức xã hội...); (2) kiểm soát của các cá nhân và các chủ thể khác; (3) kiểm soát từ phía các đảng chính trị.

### **2.3. Tính đặc thù của kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

#### ***2.3.1. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Bên cạnh những giá trị chung, phổ biến, thuộc về bản chất của NNPQ thì NNPQ XHCN Việt Nam có ba đặc trưng sau: (1) Đặc điểm mang tính chất chi phối là tính nhân dân triệt để của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (2) Từ phương diện tổ chức quyền lực nhà nước, “bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” là một đặc điểm quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (3) Điểm đặc sắc đồng thời là đặc điểm thể hiện rõ bản chất chính trị của nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tư cách lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với nhà nước và xã hội.

### ***2.3.2. Yêu cầu đặc thù của kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Nét đặc thù của NN PQ XHCN Việt Nam đã dẫn tới một số yêu cầu mang tính khác biệt của kiểm soát QLTP, thể hiện trên các phương diện sau:

*Thứ nhất*, việc đề cao nguyên lý chủ quyền nhân dân và khẳng định tính nhân dân triệt để của NN PQ XHCN Việt Nam là yếu tố quyết định mức độ đa dạng của chủ thể kiểm soát QLTP, trong đó ưu thế kiểm soát QLTP nghiêng về các cơ quan đại diện (QH và HĐND các cấp), tổ chức MTTQ và các đoàn thể xã hội. Cũng theo đó, có sự đa dạng của các cơ chế kiểm soát QLNN với sự đề cao vai trò của các cơ chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống nhà nước (cơ chế giám sát chính trị - xã hội) đối với các phạm vi QLNN trong đó có QLTP. Điều này cũng kéo theo sự đa dạng về hình thức kiểm soát QLTP.

*Thứ hai*, “độc lập của tư pháp” ở Việt Nam không có mức độ cao như nhiều quốc gia khác. Nhánh QLTP bị kiểm soát bởi nhiều thiết chế trong bộ máy nhà nước với các mức độ khác nhau do có sự ràng buộc với các cơ quan khác mà trước hết là sự phụ thuộc của nó vào cơ quan QLNN cao nhất. Vai trò giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện QLTP phải được đặt ở vị trí trọng tâm. Vấn đề “đôi trọng” trở lại của cơ quan tư pháp không đặt ra một cách quyết liệt. Theo đó, đối tượng của kiểm soát QLTP ở Việt Nam được nhìn nhận theo nghĩa rộng. Phạm vi nội dung của kiểm soát QLTP ở Việt Nam bao gồm sự kiểm soát đối với (i) hành vi của thẩm phán và các chức danh tư pháp; (ii) trình tự, thủ tục liên quan đến hoạt động xét xử; (iii) nội dung phán quyết của tòa án; (iv) hiệu lực phán quyết của tòa án; (v) tổng thể về tổ chức và hoạt động của tòa án, các cơ quan tư pháp. Ngoài ra, ở mức độ nhất định, các hành vi, quyết định, các mối quan hệ của VKSND liên quan đến hoạt động xét xử cũng trở thành đối tượng của kiểm soát QLTP.

*Thứ ba*, mô hình chính trị “một Đảng lãnh đạo” và cấu trúc bộ máy nhà nước cho phép duy trì hệ thống cơ quan kiểm sát với chức năng “kiểm sát hoạt động tư pháp” đã dẫn tới việc xác lập hai cơ chế kiểm soát QLTP đặc biệt: (1) Kiểm soát trực tiếp và toàn diện của Đảng Cộng sản đối với việc thực hiện QLTP; (2) Kiểm soát của VKSND đối với việc thực hiện QLTP thông qua vai trò kiểm sát hoạt động xét xử của tòa án.

#### **2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền**

Kiểm soát QLTP trong NNPQ chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó ảnh hưởng mạnh nhất từ các yếu tố sau:

*Thứ nhất*, chế độ chính trị

*Thứ hai*, chính thể nhà nước

*Thứ ba*, hệ thống pháp luật

*Thứ tư*, các nguồn lực

*Thứ năm*, mức độ minh bạch của hoạt động tư pháp và năng lực tiếp cận công lý của người dân.



### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **3.1. Quá trình phát triển tư duy, nhận thức về kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

#### ***3.1.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tổ chức quyền lực nhà nước và về quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Bắt đầu chính thức thừa nhận thuật ngữ “ Nhà nước pháp quyền” trong Văn kiện của Đảng từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (năm 1994), trải qua các giai đoạn đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) đã hình thành quan điểm toàn diện, đầy đủ về sự tồn tại và mối quan hệ giữa quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp theo nguyên tắc "*quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp*", thể hiện bước tiến lớn trong nhận thức về QLTP như là một nhánh quyền lực độc lập thuộc cấu trúc tổ chức QLNN trong NNQP XHCN Việt Nam.

#### ***3.1.2. Thực trạng nhận thức về kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Khó có thể nhận diện rõ ràng trạng thái nhận thức chính trị về kiểm soát QLTP ở nước ta. Tuy nhiên, tư duy về kiểm soát QLTP có thể được phản ánh qua tương quan với nhận thức về tính độc lập của tư pháp. Bối cảnh tăng cường cổ súy cho sự độc lập của tư pháp dựa trên cơ sở phân công và phối hợp giữa các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp tất yếu sẽ dẫn tới khả năng thu hẹp phạm vi kiểm soát QLTP ở nước ta cả về nội dung và hình thức kiểm soát. Song hầu như quan niệm về tổ chức QLNN ở nước ta hiện nay lại không diễn ra theo hướng thuận chiều với tư duy nói trên.

### **3.2. Thực trạng pháp luật về kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

#### ***3.2.1. Thực trạng hiến định kiểm soát quyền lực tư pháp trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013***

Hiến pháp năm 2013 phản ánh nỗ lực trong thúc đẩy sự phân công quyền lực giữa nhánh quyền tư pháp với quyền lập pháp và quyền hành pháp, thể hiện rõ tư duy tăng cường độc lập của tư pháp, trước hết là độc lập xét xử.

Mặt khác, Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định làm cơ sở cho việc đẩy mạnh kiểm soát QLTP: (1) Tạo khung khổ hiến định để nhân dân kiểm soát QLNN với tư cách chủ thể độc lập, thông qua các tổ chức đại diện cho nhân dân và bồi chính các cá nhân công dân; (2) Tạo khung khổ hiến định để các thiết chế nắm giữ các bộ phận QLNN thực hiện kiểm soát QLTP theo nguyên tắc kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; (3) Củng cố thêm tính chính đáng của sự lãnh đạo của Đảng, duy trì khả năng Đảng sử dụng các phương thức đặc thù để kiểm soát QLTP.

### ***3.2.2. Thực trạng pháp luật cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về kiểm soát quyền lực tư pháp ở Việt Nam hiện nay***

Sau khi Hiến pháp 2013 được ban hành, khung pháp luật cho hoạt động kiểm soát QLTP ở nước ta từng bước được hoàn thiện.

Bên cạnh đó, pháp luật về kiểm soát QLTP còn nhiều hạn chế, vướng mắc, cụ thể:

*Thứ nhất*, nhìn tổng thể, mô hình điều chỉnh pháp luật về kiểm soát QLTP chưa thật sự đầy đủ và hợp lý. Điểm bất cập lớn nhất là pháp luật thiếu tính chế tài, hầu như các cơ chế kiểm soát QLTP được luật định đều thiếu các biện pháp bảo đảm thực hiện, nhất là thiếu các quy định liên quan đến việc xác định hậu quả pháp lý của kiểm soát.

*Thứ hai*, giới hạn phạm vi giám sát của QH đối với tư pháp chưa rõ ràng, quy định về hậu quả pháp lý của giám sát chưa cụ thể, chưa phù hợp, các hình thức giám sát của QH đối với tư pháp còn thiếu đồng bộ và trình tự, thủ tục giám sát chưa được quy định cụ thể.

*Thứ ba*, việc phân định ranh giới giữa thẩm quyền tư pháp và thẩm quyền quản lý hành chính chưa rõ ràng, chưa có cơ chế cụ thể bắt buộc các tòa cấp thấp hơn phải có trách nhiệm tuân thủ quyết định giám đốc thẩm của tòa cấp cao hơn, chưa có quy định yêu cầu về nội dung đối với quyết định giám đốc thẩm và các bản án của tòa án, chưa

có quy định về thẩm quyền giải thích pháp luật của hệ thống tòa án khiến cho quyết định giám đốc thẩm trở nên không có giá trị, chưa có quy định về việc công khai bản án. Quy định về nhiệm kỳ của thẩm phán cũng đang bộc lộ sự bất cập. Hiện vẫn thiếu Bộ Quy tắc về đạo đức nghề nghiệp dành riêng cho Thẩm phán và Hội thẩm trong bối cảnh bản Quy tắc ứng xử hiện hành có nhiều điểm lạc hậu, bất cập. Gắn với vấn đề này là cơ chế kỷ luật thẩm phán còn thiếu hợp lý.

*Thứ tư*, pháp luật hiện hành đang có một số vướng mắc, chủ yếu liên quan đến quy trình, thủ tục hoạt động dẫn đến việc Viện Kiểm sát và Tòa án cùng với cơ quan điều tra thường họp bàn thống nhất về đường lối xử lý các vụ án cụ thể.

*Thứ năm*, việc giao cho TAND tối cao quản lý công tác cán bộ và cơ sở vật chất của các Tòa án địa phương đã gây ra những mối hoài nghi trên nhiều phương diện khi bản chất của quyền quản lý cán bộ và cơ sở vật chất là quyền hành pháp.

*Thứ sáu*, việc thiếu các quy định về công khai, minh bạch, nhất là công khai bản án cũng như thiếu các tiêu chí đánh giá đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán đang là những rào cản đối với hiệu quả kiểm soát QLTP từ phía HĐND các cấp, MTTQ các cấp, cá nhân công dân, các phương tiện truyền thông...

*Thứ bảy*, hoạt động lãnh đạo mang tính kiểm soát QLTP của Đảng chưa được pháp luật hóa. Pháp luật hiện hành thiếu các quy định rõ ràng về phạm vi và nội dung việc kiểm tra của các cấp ủy đối với công tác xét xử của tòa án, chưa có tiêu chí xác định rõ thể nào là vụ án nghiêm trọng, phức tạp về chính trị, kinh tế, xã hội, tham nhũng lớn hoặc có liên quan đến quan hệ đối ngoại cần phải báo cáo và xin ý kiến của cấp ủy.

### **3.3. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay**

### **3.3.1. Thực tiễn kiểm soát từ bên trong hệ thống thực thi quyền lực nhà nước đối với quyền lực tư pháp**

#### **3.3.1.1. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp trong nội bộ hệ thống tư pháp**

Kiểm soát QLTP trong nội bộ hệ thống tư pháp ở Việt Nam hiện nay được triển khai trên 04 hình thức: (1) Thực hiện thẩm quyền giám đốc thẩm của Tòa án; (2) Tự kiểm soát tư cách hành vi của Thẩm phán; (3) Quản lý hành chính - tư pháp của tòa án; (4) Thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân.

Mỗi hình thức nói trên đều có những ưu điểm, đồng thời bộc lộ nhiều vướng mắc, đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục xử lý. Luận án phân tích chi tiết các hạn chế đó, đồng thời lồng ghép trình bày nguyên nhân và hướng xử lý các vướng mắc, hạn chế trong từng hình thức thuộc cơ chế kiểm soát trong nội bộ hệ thống tư pháp.

#### **3.3.1.2. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp bởi Quốc hội - lập pháp**

Quyền kiểm soát của Quốc hội – lập pháp đối với QLTP ở Việt Nam thể hiện qua hai thẩm quyền chính: (1) Bầu, phê chuẩn, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh tư pháp; (2) Giám sát tối cao đối với hoạt động tư pháp.

Thực tiễn hoạt động bầu, phê chuẩn, miễn nhiệm, bãi nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm, bổ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh tư pháp của QH diễn ra tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, tính dân chủ thực chất trong hoạt động bầu cử của QH đối với các chức danh đứng đầu ngành tư pháp chưa cao. Ngoài ra, thủ tục bổ phiếu tín nhiệm của QH đối với các chức danh tư pháp do QH bầu chưa lần nào được áp dụng.

QH thực hiện hoạt động giám sát tối cao thông qua nhiều hình thức. Mặc dù đã có nhiều chuyên biến nhưng trong từng hình thức đều có rất nhiều điểm bất cập, cả trên phương diện điều chỉnh pháp luật và phương diện hiện thực hóa các quy định pháp luật trong hoạt động thực tiễn.

#### **3.3.1.3. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp bởi Chính phủ - hành pháp**

Hiện nay, về mặt pháp lý, tòa án hầu như không có sự lệ thuộc vào CP, vì vậy khả năng kiểm soát của CP đối với QLTP không cao. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, mức độ can thiệp của hành pháp vào tư pháp là khá rõ ràng, thậm chí có nguy cơ xâm hại đến tính độc lập của tư pháp.

#### *3.3.1.4. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp bởi Hội đồng nhân dân các cấp*

Kiểm soát của HĐND các cấp đối với QLTP thể hiện ở hoạt động giám sát của HĐND đối với hoạt động tư pháp thông qua ba hình thức chủ yếu: (i) Xem xét báo cáo công tác của TAND, VKSND cùng cấp; (ii) Chất vấn Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND cùng cấp; (iii) Giám sát chuyên đề.

Hoạt động giám sát tư pháp của HĐND có bước chuyển nhất định, đi vào thực chất hơn. Tuy nhiên, tính hình thức, thiếu hiệu quả của cơ chế giám sát này thể hiện rất rõ. Nguyên nhân căn bản nằm ở tính khiên cưỡng của cơ chế giám sát từ phía HĐND. Việc giao cho quyền nhưng không đi kèm lực khiến cho hoạt động giám sát của HĐND kém hiệu quả.

#### **3.3.2. Thực tiễn kiểm soát từ bên ngoài hệ thống thực thi quyền lực nhà nước đối với quyền lực tư pháp**

##### *3.3.2.1. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp thông qua hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

MTTQ tham gia vào cơ chế kiểm soát QLTP thông qua quyền tham gia vào Hội đồng tuyển chọn thẩm phán; tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; nghiên cứu, xem xét các văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tổ chức đoàn giám sát.

Sự giám sát của MTTQ đối với tư pháp là khâu yếu nhất trong việc thực hiện chức năng giám sát của Mặt trận hiện nay. Nguyên nhân liên quan đến đặc thù mang tính chuyên biệt và độc lập của hoạt động tư pháp, đến năng lực giám sát của MTTQ trong lĩnh vực tư pháp, đến sự thiếu hụt cơ chế pháp lý thuận lợi cho công tác giám sát, đến sự chi phối thời gian và tâm sức cho các lĩnh vực giám sát khác và sự lo ngại

về nguy cơ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn khác.

### *3.3.2.2. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp thông qua hoạt động giám sát của công dân và các phương tiện truyền thông đại chúng*

Giám sát của cá nhân công dân đối với QLNN nói chung, QLTP nói riêng được thực hiện chủ yếu thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo về tư cách hành vi của cán bộ tư pháp, cơ quan tư pháp và về nội dung các phán quyết cũng như hiệu lực phán quyết của Tòa án. Tuy nhiên, có thể thấy cơ chế này đang có xu hướng bị lạm dụng, vượt ra khỏi biên độ pháp luật cho phép, gây khó khăn cho hoạt động tư pháp – một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp mang tính đặc thù.

Các phương tiện truyền thông đại chúng là một kênh giám sát xã hội quan trọng nhưng đang tỏ ra thiếu hiệu quả hoặc có xu hướng bị lạm dụng. Nguyên nhân liên quan đến những bất cập trong tạo lập các điều kiện cho hoạt động truyền thông và tính khép kín của hoạt động tư pháp

### *3.3.2.3. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp thông qua hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực thực hiện QLTP đang là một trong những vấn đề vướng mắc nhất ở nước ta hiện nay. Nguyên nhân từ nhận thức chưa đúng về ranh giới giữa “lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng” và “can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”, từ việc thiếu phương thức lãnh đạo đặc thù hoặc phương thức lãnh đạo chung chung, không cụ thể, từ việc các cấp ủy Đảng làm chưa tốt công tác nhân sự tòa án, công tác kiểm tra của cấp ủy Đảng còn bất cập cả về nội dung và phạm vi kiểm tra đối với hoạt động xét xử...

## **Chương 4**

# **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **4.1. Quan điểm bảo đảm kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nhằm mục tiêu bảo đảm quyền lực tối cao thuộc về nhân dân, tăng cường sự tiếp cận công lý của người dân, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân trong trật tự pháp luật

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp phải phù hợp với đặc điểm tổ chức quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp phải đi đôi với đảm bảo nguyên tắc độc lập xét xử trong thực hiện quyền lực tư pháp.

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp, tiếp tục đổi mới hệ thống cơ quan thực hiện quyền lực tư pháp.

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp cần đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tương thích với các chuẩn mực pháp lý và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

### **4.2. Giải pháp bảo đảm kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

#### ***4.2.1. Đổi mới nhận thức về quyền lực tư pháp và kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Cần nhận thức đúng và đầy đủ về QLTP và kiểm soát QLTP theo hướng :

- QLTP là một bộ phận của QLNN, vừa đối trọng, vừa có mối quan hệ với các bộ phận quyền lực lập pháp và quyền lực hành pháp

trong một thể thống nhất của QLNN. Ở nghĩa hẹp, không nên quy QLTP về một loại hoạt động xét xử nào đó và cũng không nên đồng nhất QLTP chỉ với quyền xét xử.

- Tạo lập một sự cân bằng giữa độc lập tư pháp và kiểm soát tư pháp. Theo đó, cần minh định rõ: (1) Kiểm soát QLTP là một tất yếu trong NNPQ, càng là tất yếu trong NNPQ XHCN Việt Nam; (2) Kiểm soát QLTP không đồng nghĩa với việc can thiệp, làm phương hại đến độc lập của tư pháp, trái lại, hiệu quả kiểm soát QLTP càng được nâng cao thì càng tạo ra tiền đề để tư pháp độc lập thực sự; (3) Kiểm soát QLTP có thể được tiến hành bằng nhiều phương thức, cơ chế khác nhau thích ứng với đặc thù tổ chức quyền lực ở mỗi mô hình NNPQ nhất định; (4) Dù mức độ, phạm vi kiểm soát QLTP đến đâu thì cũng phải dựa trên công cụ pháp luật thể hiện ý chí của Nhân dân, tránh sự can thiệp tùy tiện, vô pháp của mọi chủ thể KSQL vào quá trình thực hiện QLTP.

#### ***4.2.2. Thúc đẩy xây dựng “mô hình đáp ứng” trong kiểm soát quyền lực tư pháp ở Việt Nam hiện nay***

Trên thế giới hiện nay, có thể nhận diện ba xu hướng đề xuất mô hình kiểm soát QLTP như sau: (1) *Mô hình phụ thuộc* (repressive or dependency model); (2) *Mô hình tự quản* (autonomous corporative model); (3) *Mô hình đáp ứng* (responsive model).

Ở Việt Nam, mô hình kiểm soát QLTP đang nghiêng theo hướng “mô hình phụ thuộc”. Cần chuyển mạnh sang “mô hình đáp ứng”, theo đó, một mặt, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả giám sát của QH đúng với tính chất của hoạt động giám sát tối cao, tăng cường năng lực giám sát xã hội, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của tòa án và các cơ quan tư pháp khác, đẩy mạnh kiểm soát trong nội bộ hệ thống thực hiện QLTP; mặt khác cần tính toán đến khả năng hiện thực cho sự thành lập một số thiết chế mới, bổ sung vào cơ chế kiểm soát QLTP ở Việt Nam (Hội đồng Tư pháp quốc gia, Thanh tra QH).



### ***4.2.3. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các chủ thể kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội.

- Tòa án nhân dân

- Viện Kiểm sát nhân dân

- Hội đồng nhân dân các cấp

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

- Cá nhân công dân và các cơ quan truyền thông

- Đảng Cộng sản Việt Nam

### ***4.2.4. Tăng cường trách nhiệm giải trình và tính công khai, minh bạch thông tin trong hoạt động tư pháp***

- Tăng cường trách nhiệm giải trình trong hoạt động xét xử của thẩm phán nói riêng và của tòa án nói chung. Gắn với trách nhiệm giải trình là việc tiếp tục hoàn thiện chế định trách nhiệm bồi thường của toà án và trách nhiệm bồi hoàn của thẩm phán.

- Tăng cường tính công khai, minh bạch thông tin trong hoạt động tư pháp. Trước mắt, cần thực hiện một số thay đổi mang tính cải cách về thủ tục tố tụng của tòa án Việt Nam, trọng tâm là hai nội dung: (1) minh bạch hóa việc xác lập chứng cứ; (2) minh bạch hóa thủ tục công bố án lệ.

### ***4.2.5. Đảm bảo các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động kiểm soát quyền lực tư pháp***

- Đảm bảo chủ quyền nhân dân, phát huy dân chủ, giữ vững sự ổn định chính trị đi đôi với tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị.

- Đảm bảo điều kiện kinh tế cho hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp.

- Đảm bảo điều kiện xã hội cho hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp.

## KẾT LUẬN

1. QLTP là một nhánh độc lập, hợp thành của QLNN thống nhất, có nhiệm vụ duy trì, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và trật tự pháp luật, được tòa án thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động xét xử. Cũng giống như các bộ phận QLNN khác, QLTP cần phải được kiểm soát. Tuy nhiên, do tính đặc thù của hoạt động tư pháp nên kiểm soát QLTP có những yêu cầu riêng và đặt ra đòi hỏi về phạm vi giới hạn, nội dung và cơ chế kiểm soát đặc thù.

2. Ở Việt Nam, những đặc trưng của NNPQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt ra yêu cầu thiết kế mô hình kiểm soát QLTP với các cơ chế đa dạng và đặc thù so với các mô hình NNPQ hiện thực trong thế giới đương đại. Đó chính là kết quả của quá trình đổi mới tư duy và kiểm nghiệm trong thực tiễn xây dựng NNPQ XHCN ở Việt Nam.

3. Thực trạng kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam được thể hiện rõ nét trên ba phương diện: (1) Thực trạng nhận thức chính trị của Đảng và Nhà nước ta về QLTP và kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam; (2) Thực trạng pháp luật về kiểm soát QLTP ở nước ta hiện nay; (3) Thực tiễn triển khai các cơ chế kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

Trong thời gian qua, pháp luật và thực tiễn vận hành của các cơ chế kiểm soát QLTP có nhiều ưu điểm, từng bước tương thích với nguyên tắc hiến định về phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và độc lập của tư pháp. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề nảy sinh từ thực tiễn lập pháp và quá trình áp dụng pháp luật khiến cho hiệu quả kiểm soát QLTP chưa cao. Luận án đã chỉ rõ những hạn chế, vướng mắc trong mỗi cơ chế kiểm soát QLTP ở Việt Nam hiện nay.

4. Từ việc xác định 5 quan điểm mang tính chất định hướng, luận án đề xuất 05 nhóm giải pháp nhằm bảo đảm kiểm soát QLTP ở nước ta hiện nay.

5. Bảo đảm QLTP là một quá trình khó khăn và phức tạp. Kết quả nghiên cứu luận án rất có thể còn phiến diện hoặc chưa đầy đủ. Tác giả luận án hy vọng các nỗ lực nghiên cứu theo hướng này sẽ tiếp tục đẩy sâu thêm hoặc mở rộng hơn các khía cạnh đã được đề cập nhằm góp phần hoàn thiện và hiện thực hóa các nguyên tắc tổ chức QLNN trong NNPQ XHCN Việt Nam.

